

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 19

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Kim Changbae	Chủ tịch
Bà Võ Thị Hồng Vân	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thiện Toàn	Thành viên
Ông Vũ Đức Nghĩa	Thành viên
Ông Kim Jong Kwan	Thành viên
Ông Lee Yun Ki	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2012)
Ông Lim Song Hak	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2012)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Vũ Đức Nghĩa	Tổng Giám đốc
Ông Trần Nhật Huy	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Vũ Đức Nghĩa**  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

2/ke T/h

Số: 914 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2013 từ trang 04 đến trang 19. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

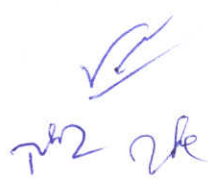
Ngoại trừ vấn đề về hạn chế phạm vi kiểm toán dưới đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Hạn chế phạm vi kiểm toán

Như trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư tài khoản "Phải trả về hoạt động giao dịch chứng khoán" tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thấp hơn số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng của nhà đầu tư khoảng 10 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá được khoản phải trả này. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản phải trả về hoạt động giao dịch chứng khoán nêu trên và ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục được trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### Khác biệt trong xử lý kế toán

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty xác định mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi phát sinh từ trước năm 2009 dựa trên việc đánh giá về mức độ tổn thất của các khoản nợ quá hạn thanh toán, nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tại ngày lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty đánh giá mức độ tổn thất của các khoản phải thu khó đòi phát sinh từ trước năm 2009 là 8%. Nếu Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc: "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" do Bộ Tài chính ban hành thì số dự phòng cần trích bổ sung cho những khoản phải thu khó đòi phát sinh từ trước năm 2009 là khoảng 4 tỷ đồng và lợi nhuận trong năm sẽ giảm đi một khoản tương ứng.





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-CTCK  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>106.490.580.521</b>	<b>115.700.643.576</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>41.323.266.218</b>	<b>52.049.608.953</b>
1. Tiền	111		41.323.266.218	52.049.608.953
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>46.911.618.161</b>	<b>41.304.748.055</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		46.911.618.161	42.952.916.055
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(1.648.168.000)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>16.105.181.249</b>	<b>20.491.586.549</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1.803.727.450	3.403.727.450
2. Trả trước cho người bán	132		4.400.564.521	4.610.737.963
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		9.058.981.103	10.749.391.458
4. Các khoản phải thu khác	138		1.173.304.770	1.977.055.915
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(331.396.595)	(249.326.237)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>249.515.141</b>	<b>249.515.141</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.900.999.752</b>	<b>1.605.184.878</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.757.115	102.429.138
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		114.119.014	214.751.867
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.773.123.623	1.288.003.873
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+250+260)	<b>200</b>		<b>34.835.485.526</b>	<b>26.828.692.918</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>32.443.602.335</b>	<b>25.120.352.328</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	3.704.447.319	4.015.872.724
- Nguyên giá	222		6.891.320.926	6.850.291.926
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.186.873.607)	(2.834.419.202)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>8</b>	18.756.211.877	11.748.103.201
- Nguyên giá	228		22.384.352.990	14.526.352.990
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.628.141.113)	(2.778.249.789)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		9.982.943.139	9.356.376.403
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>85.500.000</b>	<b>85.500.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		85.500.000	85.500.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.306.383.191</b>	<b>1.622.840.590</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.169.500.083	370.757.482
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		614.553.418	614.553.418
3. Tài sản dài hạn khác	268		522.329.690	637.529.690
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>141.326.066.047</b>	<b>142.529.336.494</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

*(Handwritten signatures and initials)*


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-CTCK  
Đơn vị: VND


NỢ PHẢI TRẢ	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>5.241.659.938</b>	<b>6.466.675.729</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.241.659.938</b>	<b>6.466.675.729</b>
1. Phải trả người bán	312		1.144.976.208	1.173.981.169
2. Người mua trả tiền trước	313		327.246.271	722.493.886
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		496.951.250	515.029.063
4. Phải trả người lao động	315		452.499.097	984.302.228
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.878.955.345	1.219.717.180
6. Phải trả về hoạt động giao dịch chứng khoán	320	9	826.877.247	1.748.473.941
7. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		114.154.520	102.678.262
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>136.084.406.109</b>	<b>136.062.660.765</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>136.084.406.109</b>	<b>136.062.660.765</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	10	135.000.000.000	135.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		113.649.448	113.649.448
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		113.649.448	113.649.448
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	10	857.107.213	835.361.869
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>141.326.066.047</b>	<b>142.529.336.494</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Mã số	Đơn vị	31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ các loại	005	USD	173.614	38.095
Chứng khoán lưu ký	006	VND	147.755.590.000	143.119.100.000
Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	VND	-	192.000.000.000

  
Nguyễn Thị Thu  
Người lập bảng

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

  
Nguyễn Thị Lan Anh  
Kế toán trưởng

  
Vũ Đức Nghĩa  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**MẪU SỐ B 02-CTCK**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2012	2011
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>		<b>15.303.000.761</b>	<b>17.670.049.270</b>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		747.375.824	754.493.057
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		570.924.068	453.147.881
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		5.961.268.500	5.582.141.868
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	17.108.570
Doanh thu khác	01.9		8.023.432.369	10.863.157.894
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>15.303.000.761</b>	<b>17.670.049.270</b>
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>		<b>10.762.701.783</b>	<b>12.100.758.112</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>4.540.298.978</b>	<b>5.569.291.158</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>		<b>4.430.907.521</b>	<b>5.357.401.834</b>
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>	<b>30</b>		<b>109.391.457</b>	<b>211.889.324</b>
8. Thu nhập khác	31		42.127.426	146.668.741
9. Chi phí khác	32		122.525.091	298.616.995
<b>10. Lỗ khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(80.397.665)</b>	<b>(151.948.254)</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>28.993.792</b>	<b>59.941.070</b>
<b>12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>11</b>	<b>7.248.448</b>	<b>14.985.268</b>
<b>13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>21.745.344</b>	<b>44.955.802</b>

*[Handwritten signature]*

Nguyễn Thị Thu  
Người lập bảng

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

*[Handwritten signature]*

Nguyễn Thị Lan Anh  
Kế toán trưởng



*[Handwritten signature]*  
Vũ Đức Nghĩa  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**MẪU SỐ B 03-CTCK**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	28.993.792	59.941.070
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.202.345.729	889.235.838
Các khoản dự phòng	03	(1.566.097.642)	306.109.738
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(7.687.644.248)	(11.158.514.012)
<b>3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(8.022.402.369)</b>	<b>(9.903.227.366)</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	21.064.423.674	14.289.205.542
Thay đổi hàng tồn kho	10	-	31.189.393
Thay đổi các khoản phải trả (không kể thuế TNDN phải nộp)	11	(3.408.248.145)	4.552.376.444
Thay đổi chi phí trả trước	12	(594.870.578)	237.365.900
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(24.016.094)	(27.272.671)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	613.047.750
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(342.686.231)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>9.014.886.488</b>	<b>9.449.998.761</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.325.595.736)	(12.146.237.985)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	49.090.909
3. Tiền gửi có kỳ hạn	23	(21.100.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.684.366.513	11.158.514.012
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(19.741.229.223)</b>	<b>(938.633.064)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(10.726.342.735)</b>	<b>8.511.365.697</b>
Tiền đầu năm	60	52.049.608.953	43.538.243.256
Tiền cuối năm	70	41.323.266.218	52.049.608.953

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền chi để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm 2012 đã bao gồm số tiền 3.239.641.000 đồng (2011: 4.323.865.000 đồng), là số tiền trả trước cho việc mua sắm và xây dựng cơ bản dở dang. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Thị Thu  
Người lập bảng

Ngày 30 tháng 3 năm 2013



Nguyễn Thị Lan Anh  
Kế toán trưởng



Vũ Đức Nghĩa  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**  
 Số 14 Trần Bình Trọng, quận Hoàn Kiếm  
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**MÃU SỐ B 05-CTCK**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm			
		01/01/2011		01/01/2012		31/12/2011		31/12/2012	
		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	10	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển		113.649.448	113.649.448	-	-	-	-	113.649.448	113.649.448
3. Quỹ dự phòng tài chính		113.649.448	113.649.448	-	-	-	-	113.649.448	113.649.448
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10	790.406.067	835.361.869	44.955.802	-	21.745.344	-	835.361.869	857.107.213

*[Signature]*  
**Nguyễn Thị Thu**  
 Người lập bảng

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

*[Signature]*  
**Nguyễn Thị Lan Anh**  
 Kế toán trưởng



*[Signature]*  
**Vũ Đức Nghĩa**  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Biển Việt) (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015053 ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 43/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 25.000.000.000 VND.

Ngày 03/3/2008, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 109/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 25.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.

Ngày 10/3/2009, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 201/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 135.000.000.000 VND.

Theo Quyết định số 47/QĐ-UBCK ngày 06/02/2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 1.715.000 cổ phần (tương ứng 12,7% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Theo Quyết định số 522/QĐ-UBCK ngày 19/8/2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 4.900.000 cổ phần (tương ứng 36,3% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Ngày 30 tháng 11 năm 2009, Công ty Chứng khoán Biển Việt được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV theo Quyết định số 283/UBCK-GP ngày 30 tháng 11 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 45 người (31/12/2011: 68 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

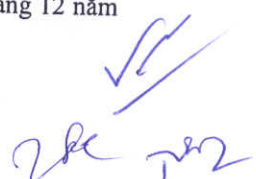
Công ty lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, phải trả về hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán**

Đây là các khoản tiền gửi của người đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

**Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán**

Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng chỉ định thanh toán để thực hiện các giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư trong và ngoài nước bao gồm cả tổ chức và cá nhân.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Ban Giám đốc xác định mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi phát sinh từ trước năm 2009 dựa trên việc đánh giá về mức độ tổn thất của các khoản nợ quá hạn thanh toán, nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đánh giá mức độ tổn thất của các khoản phải thu khó đòi phát sinh từ trước năm 2009 là 8%. Nếu Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc: "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" do Bộ Tài chính ban hành thì số dự phòng cần trích bổ sung cho những khoản phải thu khó đòi phát sinh từ trước năm 2009 là khoảng 4 tỷ đồng và lợi nhuận trong năm sẽ giảm đi một khoản tương ứng. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ thu hồi được các khoản công nợ này trong thời gian tới.

✓  
2/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2012
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	12 - 18
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải	10 - 15

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và hệ thống tính chỉ số chứng khoán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm và hệ thống trên được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3-20 năm.

**Doanh thu***Hoạt động môi giới chứng khoán*

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu phí môi giới của nhà đầu tư.

*Doanh thu khác*

Doanh thu khác là doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng và phí nhận được từ các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần có kỳ hạn, hợp đồng mua bán quyền tương lai có kỳ hạn, hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết có kỳ hạn, hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán, hợp đồng mua bán và mua bán lại cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

✓  
2/6 Tm2

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31/12/2012, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu. Do đó, không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	149.916.901	188.342.333
Tiền gửi Ngân hàng	41.173.349.317	51.861.266.620
<u>Trong đó:</u>		
<i>Tiền của nhà đầu tư</i>	<i>11.050.582.456</i>	<i>910.086.395</i>
<i>Tiền của Công ty</i>	<i>30.122.766.861</i>	<i>50.951.180.225</i>
	<u><b>41.323.266.218</b></u>	<u><b>52.049.608.953</b></u>

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các nghiệp vụ: mua bán chứng khoán, mua bán quyền nhận tiền bán chứng khoán, hợp tác đầu tư chứng khoán. Công ty ký kết với nhà đầu tư và thu phí của các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần có kỳ hạn, mua bán quyền tương lai có kỳ hạn, mua bán chứng khoán niêm yết có kỳ hạn, hợp tác đầu tư chứng khoán, mua bán và mua bán lại cổ phiếu.

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn của Công ty về mua bán quyền tương lai có kỳ hạn	156.746.111	346.000.535
Đầu tư ngắn hạn của Công ty về hoạt động chuyển nhượng cổ phần có kỳ hạn (i)	9.530.250.000	18.790.250.000
Đầu tư ngắn hạn của Công ty về mua bán chứng khoán niêm yết có kỳ hạn	14.584.500.000	19.074.380.000
Chứng khoán tự doanh	1.540.122.050	4.742.285.520
Tiền gửi có kỳ hạn	21.100.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(1.648.168.000)
	<u><b>46.911.618.161</b></u>	<u><b>41.304.748.055</b></u>

*Handwritten signature and date: 2/12/2012*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

(i) Trong năm 2012, Công ty gia hạn các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần có kỳ hạn đã ký đối với cổ phần của các công ty: Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà, Công ty Cổ phần Dòng sông xanh, Công ty Cổ phần Tân Đà, Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hàm Long, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt với tổng số tiền là: 9.530.250.000 VND (31/12/2011: 18.790.250.000 VND) và đang được trình bày tại khoản mục Đầu tư ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán. Công ty đã đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 dựa trên mệnh giá do không xác định được giá tham chiếu của các khoản đầu tư này. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn đã được đánh giá một cách thận trọng và không có khoản dự phòng nào phải trích lập cho các khoản đầu tư này.

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2012	647.637.316	5.760.988.420	441.666.190	6.850.291.926
Tăng trong năm	17.665.000	23.364.000	-	41.029.000
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>665.302.316</b>	<b>5.784.352.420</b>	<b>441.666.190</b>	<b>6.891.320.926</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2012	350.638.601	2.203.789.081	279.991.520	2.834.419.202
Khấu hao trong năm	21.039.574	299.618.608	31.796.223	352.454.405
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>371.678.175</b>	<b>2.503.407.689</b>	<b>311.787.743</b>	<b>3.186.873.607</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2012	293.624.141	3.280.944.731	129.878.447	3.704.447.319
Tại ngày 31/12/2011	296.998.715	3.557.199.339	161.674.670	4.015.872.724

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm VND	Cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2012	14.526.352.990	14.526.352.990
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7.858.000.000	7.858.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>22.384.352.990</b>	<b>22.384.352.990</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2012	2.778.249.789	2.778.249.789
Khấu hao trong năm	849.891.324	849.891.324
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>3.628.141.113</b>	<b>3.628.141.113</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 31/12/2012	18.756.211.877	18.756.211.877
Tại ngày 31/12/2011	11.748.103.201	11.748.103.201



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (Tiếp theo)**

Công ty đang ghi nhận tài sản cố định vô hình và chi phí xây dựng cơ bản dở dang với tổng giá trị lần lượt là khoảng 20 tỷ đồng và 10 tỷ đồng chủ yếu là hệ thống phần mềm chỉ số, phần mềm giao dịch chứng khoán và phần mềm quản lý khách hàng. Theo Ban Giám đốc Công ty, việc mua sắm và đầu tư này nằm trong chiến lược phát triển của Công ty từ khi thành lập đến nay. Doanh thu trực tiếp trong thời điểm hiện tại của Công ty từ các hệ thống chạy chỉ số nêu trên tuy còn thấp nhưng Ban Giám đốc Công ty đánh giá và kỳ vọng Công ty sẽ thu được nhiều lợi ích hơn so với giá trị đầu tư ban đầu và doanh thu sẽ tăng mạnh khi nền kinh tế Việt Nam hồi phục. Do đó, Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng các tài sản cố định vô hình này sẽ thu được lợi ích kinh tế trong tương lai một cách tương ứng và hiệu quả so với khoản tiền đã thực hiện đầu tư mua sắm. Theo đó, Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc ghi nhận tài sản cố định vô hình, chi phí khấu hao và chi phí xây dựng cơ bản dở dang như hiện tại là phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**9. PHẢI TRẢ VỀ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Tại ngày 31/12/2012, số dư tài khoản “Phải trả về hoạt động giao dịch chứng khoán” đang thấp hơn số dư tài khoản tiền gửi của nhà đầu tư với số tiền là khoảng 10 tỷ đồng. Đây là khoản phải trả về tiền gửi của nhà đầu tư tại công ty chứng khoán để thực hiện giao dịch chứng khoán.

**10. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ đã góp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	135.000.000.000	790.406.067
Lợi nhuận trong năm	-	44.955.802
Tại ngày 01/01/2012	135.000.000.000	835.361.869
Lợi nhuận trong năm	-	21.745.344
Tại ngày 31/12/2012	135.000.000.000	857.107.213

**Vốn điều lệ**

Tình hình góp vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ đã góp	
	VND	%
Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori	66.150.000.000	49,00%
Ông Vũ Đức Nghĩa	8.500.000.000	6,30%
Bà Võ Thị Hồng Vân	7.000.000.000	5,19%
Cá nhân khác	53.350.000.000	39,51%
	<b>135.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**11. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2012	2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	28.993.792	59.941.070
Thu nhập chịu thuế	28.993.792	59.941.070
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.248.448	14.985.268

*(Handwritten signature and initials)*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	1.605.226.505	2.736.619.752
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.500.169.891	474.203.295
<b>Cộng</b>	<b>4.105.396.396</b>	<b>3.210.823.047</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng của Công ty. Hợp đồng thuê văn phòng tại Hà Nội được ký với Khách sạn Công đoàn Hà Nội có thời hạn 3 năm tính từ ngày 01/7/2012. Hợp đồng thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh được ký với Công ty Cổ phần Chương Dương có thời hạn 3 năm tính từ ngày 15/10/2012.

**13. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	41.323.266.218	52.049.608.953
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác	11.704.616.728	15.880.848.586
<b>Tổng cộng</b>	<b>53.027.882.946</b>	<b>67.930.457.539</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán, phải trả về hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác, phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3.964.963.320	4.244.850.552
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.964.963.320</b>	<b>4.244.850.552</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	3.591.360.389	768.508.542

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	359.136.039	76.850.854

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

**13. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>31/12/2012</b>			
Tiền	41.323.266.218	-	41.323.266.218
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác	7.601.098.817	4.103.517.911	11.704.616.728
<b>Tổng cộng</b>	<b>48.924.365.035</b>	<b>4.103.517.911</b>	<b>53.027.882.946</b>
<b>31/12/2012</b>			
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	3.964.963.320	-	3.964.963.320
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.964.963.320</b>	<b>-</b>	<b>3.964.963.320</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>44.959.401.715</b>	<b>4.103.517.911</b>	<b>49.062.919.626</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>31/12/2011</b>			
Tiền	52.049.608.953	-	52.049.608.953
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác	11.777.330.675	4.103.517.911	15.880.848.586
<b>Tổng cộng</b>	<b>63.826.939.628</b>	<b>4.103.517.911</b>	<b>67.930.457.539</b>
<b>31/12/2011</b>			
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	4.244.850.552	-	4.244.850.552
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.244.850.552</b>	<b>-</b>	<b>4.244.850.552</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>59.582.089.076</b>	<b>4.103.517.911</b>	<b>63.685.606.987</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

**14. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM 2012**

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch (Cổ phiếu)	Giá trị giao dịch VND
Chứng khoán giao dịch của Công ty chứng khoán	244.510	12.746.273.000
Chứng khoán giao dịch của nhà đầu tư	43.803.803	374.874.247.800
	<b>44.048.313</b>	<b>387.620.520.800</b>

*Handwritten signatures and initials: VPC, T&A, etc.*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị ghi sổ kế toán		Tăng		So với giá trị trường		Giảm		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	22.987	115.410	1.540.122.050	4.742.285.520	166.275.000	10.560.000	67.053.150	1.648.168.000	1.639.343.900	1.648.168.000	1.639.343.900	3.024.248.000
<b>Cổ phiếu</b>	22.987	115.410	1.540.122.050	4.742.285.520	166.275.000	10.560.000	67.053.150	1.648.168.000	1.639.343.900	1.648.168.000	1.639.343.900	3.024.248.000
DPR	-	38.000	-	2.514.000.000	-	-	-	754.600.000	-	-	-	1.759.400.000
HSG	-	18.780	-	277.428.000	-	-	-	121.554.000	-	-	-	155.874.000
MPC	-	540	-	17.280.000	-	-	-	9.396.000	-	-	-	7.884.000
PHR	-	32.150	-	1.340.560.000	-	-	-	498.230.000	-	-	-	842.330.000
PPC	-	9.340	-	169.988.000	-	-	-	104.608.000	-	-	-	65.380.000
REE	-	11.000	-	265.000.000	-	-	-	140.700.000	-	-	-	124.300.000
LAF	-	3.300	-	66.600.000	-	-	-	19.080.000	-	-	-	47.520.000
ACB	-	1.100	-	11.000.000	-	10.560.000	-	-	-	-	1.634.470.000	21.560.000
DHG	22.390	-	1.468.195.000	-	166.275.000	-	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu lẻ	597	1.200	71.927.050	80.429.520	-	-	67.053.150	-	-	-	4.873.900	-
<b>II. Đầu tư góp vốn</b>			<b>85.500.000</b>	<b>85.500.000</b>								
- Vốn góp liên doanh, liên kết			85.500.000	85.500.000								
<b>III. Đầu tư tài chính khác</b>			<b>45.371.496.111</b>	<b>38.210.630.535</b>								

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.




Nguyễn Thị Thu  
Người lập bảng

Ngày 30 tháng 3 năm 2013



Nguyễn Thị Lan Anh  
Kế toán trưởng



Vũ Đức Nghĩa  
Tổng Giám đốc